

Tanulmányi útmutató: Online Biztonság és E-mail Alapok

Hướng dẫn học tập: An toàn trực tuyến và kiến thức cơ bản về email

Ez az összefoglaló segít az internettel kapcsolatos ismeretek elsajátításában és a feladatkártyák kitöltésében. Kérjük, olvassa el figyelmesen az alábbi pontokat!

Bản tóm tắt này sẽ giúp bạn học kiến thức về internet và hoàn thành các thẻ nhiệm vụ. Vui lòng đọc kỹ các điểm sau đây!

1. Az Internet fogalma / Khái niệm về Internet

Az internet egy **egész világot körülölelő számítógép-hálózat**, amely lehetővé teszi az adatok megosztását és a kommunikációt.

Internet là một **mạng máy tính bao quanh toàn thế giới**, cho phép chia sẻ dữ liệu và giao tiếp.

2. Böngészési alapok / Cơ bản về duyệt web

- **Kezdőlap / Trang chủ:** Lehetővé teszi, hogy a böngésző indításakor automatikusan a kedvenc oldalunk nyíljon meg.

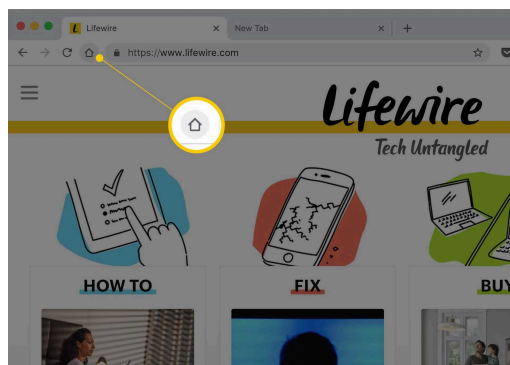
Trang chủ cho phép trang web yêu thích của bạn tự động mở khi trình duyệt khởi động.

- **URL:** A weboldal szabványosított címe (például: google.hu).

URL là địa chỉ tiêu chuẩn của trang web (ví dụ: google.hu).

- **Előzmények / Lịch sử:** Itt találod meg a korábban meglátogatott oldalakat.

Đây là nơi bạn tìm thấy các trang web đã truy cập trước đó.



3. Online Biztonság / An toàn trực tuyến

Biztonságos oldalak / Trang web an toàn: A biztonságos weboldalakat a **HTTPS** rövidítés és egy **lakat szimbólum** jelzi a böngészőben.

Các trang web an toàn được biểu thị bằng chữ viết tắt **HTTPS** và **biểu tượng ổ khóa** trong trình duyệt.

Adathalászat (Phishing) / Tấn công giả mạo (Phishing): Jogosulatlan adatszerzés tisztességtelen haszonért. Soha ne adj meg személyes adatokat ismeretlen feladónak!

Việc thu thập dữ liệu trái phép để trục lợi bất chính. Đừng bao giờ cung cấp dữ liệu cá nhân cho những người gửi không xác định!

4. E-mail alapok / Kiến thức cơ bản về email

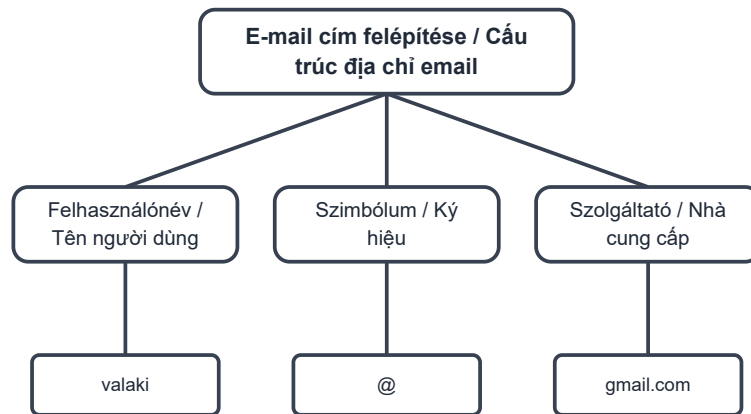
Mező / Trường	Leírás / Mô tả
Címzett (To) / Người nhận	Az elsődleges személy, akinek a levelet küldjük. / Người chính mà chúng ta gửi thư cho.
Másolat (Cc) / Bản sao	A megjelölt címzettek láthatják egymást, tudják, ki kapta még meg a levelet. / Những người nhận được đánh dấu có thể nhìn thấy nhau, họ biết ai khác cũng nhận được thư.
Titkos másolat (Bcc) / Bản sao ẩn	A többiek nem láthatják a Bcc címzettet, de ők látja a többi címzettet. / Những người khác không thể nhìn thấy người nhận Bcc, nhưng người đó có thể nhìn thấy tất cả những người nhận khác.
Tárgy (Subject) / Chủ đề	Az e-mail rövid címe, ami összefoglalja a tartalmat. / Tiêu đề ngắn gọn của email tóm tắt nội dung.
Melléklet (Attachment) / Tập đính kèm	Fájlok (képek, dokumentumok), amiket a levéllel együtt küldünk. / Các tập (hình ảnh, tài liệu) được gửi cùng với thư.

E-mail törlése / Xóa email: A végleges törléshez a **"Törölt elemek" (Kuka)** mappából is el kell távolítani az üzenetet.

Để xóa vĩnh viễn, tin nhắn cũng phải được xóa khỏi thư mục **"Mục đã xóa" (Thùng rác)**.

Netikett / Phép lịch sự trên mạng: Mindig légy udvarias az online kommunikáció során, és kerüld a csupa nagybetűvel való írást (kiabálás)!

Hãy luôn lịch sự khi giao tiếp trực tuyến và tránh viết bằng toàn chữ in hoa (la hét)!

Példa: valaki@gmail.com

Név: _____ Dátum: _____

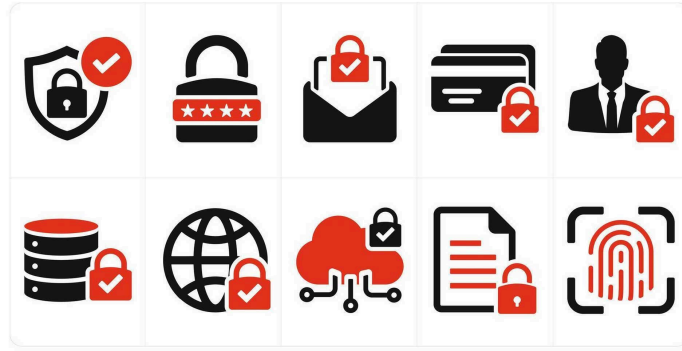
Feladatkártyák: Online biztonság és e-mail alapok**Thẻ nhiệm vụ: An toàn trực tuyến và kiến thức cơ bản về email**

Használd a tanulmányi útmutatót a kérdések megválaszolásához! Minden kártya egy fontos kérdést tesz fel.

Sử dụng hướng dẫn học tập để trả lời các câu hỏi! Mỗi thẻ đặt ra một câu hỏi quan trọng.

<p>1. Kártya / Thẻ 1</p> <p>Mi az internet pontos meghatározása? Định nghĩa chính xác của internet là gì?</p>	<p>2. Kártya / Thẻ 2</p> <p>Mire jó a böngésző kezdőlapja? Trang chủ của trình duyệt có tác dụng gì?</p>
<p>3. Kártya / Thẻ 3</p> <p>Mi az az URL? Mondj egy példát! URL là gì? Cho một ví dụ!</p>	<p>4. Kártya / Thẻ 4</p> <p>Igaz vagy Hamis? / Đúng hay Sai? A weboldalak frissítése felesleges. Việc tải lại (refresh) trang web là không cần thiết.</p>
<p>5. Kártya / Thẻ 5</p> <p>Milyen szimbólum és rövidítés jelzi a biztonságos weboldalt? Biểu tượng và chữ viết tắt nào cho biết một trang web an toàn?</p>	<p>6. Kártya / Thẻ 6</p> <p>Hol találod meg a korábban meglátogatott oldalakat? Bạn có thể tìm thấy các trang đã truy cập trước đó ở đâu?</p>
<p>7. Kártya / Thẻ 7</p> <p>Helyzetgyakorlat / Tình huống: Ismeretlen feladótól kapsz e-mailt, ami jelszót kér. Mit teszel? Bạn nhận được email từ người lạ yêu cầu mật khẩu. Bạn sẽ làm gì?</p>	<p>8. Kártya / Thẻ 8</p> <p>Mi a lényege az adathalászatnak (phishing)? Bản chất của lừa đảo qua mạng (phishing) là gì?</p>
<p>9. Kártya / Thẻ 9</p> <p>Igaz vagy Hamis? / Đúng hay Sai? A legtöbb esetben szabadon másolhatunk szöveget a webről. Trong hầu hết các trường hợp, chúng ta có thể tự do sao chép văn bản từ web.</p>	<p>10. Kártya / Thẻ 10</p> <p>Írd le egy érvényes e-mail cím szerkezetét! Hãy mô tả cấu trúc của một địa chỉ email hợp lệ!</p>

<p>11. Kártya / Thê 11</p> <p>Hogyan lehet véglegesen törölni egy e-mailt? Làm thế nào để xóa vĩnh viễn một email?</p>	<p>12. Kártya / Thê 12</p> <p>Helyzetgyakorlat / Tình huống: Online vásárlás előtt mit kell ellenőrizni a biztonság érdekében? Trước khi mua sắm trực tuyến, bạn cần kiểm tra điều gì để đảm bảo an toàn?</p>
<p>13. Kártya / Thê 13</p> <p>Küldhető-e egy e-mail egyszerre több címzettnek? Một email có thể được gửi cho nhiều người nhận cùng lúc không?</p>	<p>14. Kártya / Thê 14</p> <p>Mi a különbség a Másolat (Cc) és a Titkos másolat (Bcc) között? Sự khác biệt giữa Cc và Bcc là gì?</p>
<p>15. Kártya / Thê 15</p> <p>Igaz vagy Hamis? / Đúng hay Sai? Bátran megoszthatjuk személyes adatainkat bárkivel. Chúng ta có thể thoải mái chia sẻ dữ liệu cá nhân với bất kỳ ai.</p>	<p>16. Kártya / Thê 16</p> <p>Körülbelül hány címzettnek továbbítható egy e-mail? Một email có thể được chuyển tiếp cho khoảng bao nhiêu người nhận?</p>
<p>17. Kártya / Thê 17</p> <p>Helyzetgyakorlat / Tình huống: Az oldal tartalma nem frissül. Mit teszel? Nội dung trang web không cập nhật. Bạn sẽ làm gì?</p>	<p>18. Kártya / Thê 18</p> <p>Miért fontos ellenőrizni egy weboldal hitelességét? Tại sao việc kiểm tra tính xác thực của một trang web lại quan trọng?</p>
<p>19. Kártya / Thê 19</p> <p>Igaz vagy Hamis? / Đúng hay Sai? A Bcc címzett látja a többi címzettet. Người nhận Bcc có thể nhìn thấy những người nhận khác.</p>	<p>20. Kártya / Thê 20</p> <p>Helyzetgyakorlat / Tình huống: Véletlenül letöröltél egy fontos e-mailt. Hol keresed? Bạn vô tình xóa một email quan trọng. Bạn tìm nó ở đâu?</p>



Név: _____ Dátum: _____

Válaszlap: Online biztonság és e-mail alapok / Phiếu trả lời: An toàn trực tuyến và kiến thức cơ bản về email

Név / Họ và tên: _____

Osztály / Lớp: 6. ____ Dátum / Ngày: 202__ . ____ . ____ .

Instrukciók / Hướng dẫn

Kérjük, olvassa el figyelmesen a feladatkártyákat, és írja válaszait a megfelelő sorszám mellé. Ügyeljen a pontos és olvasható írásra!

Vui lòng đọc kỹ các thẻ nhiệm vụ và viết câu trả lời của bạn bên cạnh số tương ứng. Hãy chú ý viết chính xác và rõ ràng!

1. kártya / Thẻ 1	2. kártya / Thẻ 2
3. kártya / Thẻ 3	4. kártya / Thẻ 4
5. kártya / Thẻ 5	6. kártya / Thẻ 6

7. kártya / Thè 7	8. kártya / Thè 8
9. kártya / Thè 9	10. kártya / Thè 10

11. kártya / Thè 11	12. kártya / Thè 12
13. kártya / Thè 13	14. kártya / Thè 14
15. kártya / Thè 15	16. kártya / Thè 16
17. kártya / Thè 17	18. kártya / Thè 18
19. kártya / Thè 19	20. kártya / Thè 20

Önértékelés / Tűr đánh giá:

Hogy érezte magát a feladatok elvégzése közben? Kérjük, rajzoljon egy hangulatjelet vagy írjon egy rövid megjegyzést!

Bạn cảm thấy thế nào khi hoàn thành những nhiệm vụ này? Vui lòng vẽ một biểu tượng cảm xúc hoặc viết một nhận xét ngắn!



Név: _____ Dátum: _____

Tanári megoldókulcs / Đáp án của giáo viên

Ez a dokumentum tartalmazza a 20 feladatkártya helyes válaszait és magyarázatait magyar és vietnámi nyelven. / Tài liệu này chứa các câu trả lời đúng và giải thích cho 20 thẻ nhiệm vụ bằng tiếng Hungary và tiếng Việt.

#	Magyar (Hungarian)	Vietnámi (Vietnamese)
1	Az egész világot körülölelő számítógép-hálózat.	Mạng máy tính bao quanh toàn thế giới.
2	Lehetővé teszi, hogy indításkor a kedvenc oldalunk nyíljon meg.	Cho phép trang web yêu thích của chúng ta mở ra khi khởi động.
3	Webcím (szabványosított cím), például google.hu.	Địa chỉ trang web (địa chỉ tiêu chuẩn hóa), ví dụ google.hu.
4	Hamis. Szükséges lehet a frissítés az új tartalomhoz.	Sai. Có thể cần làm mới để xem nội dung mới.
5	HTTPS rövidítés és a lakat szimbólum.	Chữ viết tắt HTTPS và biểu tượng ổ khóa.
6	Az Előzmények (History) menüpontban.	Trong mục Lịch sử (History).
7	Szituáció: Nem adom meg az adataimat, mert adathalászat lehet; törölöm a levelet.	Tình huống: Tôi không cung cấp dữ liệu vì có thể là lừa đảo; tôi xóa thư.
8	Illetéktelen adatszerzés tisztességtelen előny szerzése céljából.	Việc thu thập dữ liệu trái phép nhằm mục đích trục lợi bất chính.
9	Igaz. A legtöbb esetben van lehetőség másolásra.	Đúng. Trong hầu hết các trường hợp, có thể sao chép.
10	felhasználónév@szolgáltató.domain (pl. valaki@gmail.com).	tên người dùng@nhà cung cấp.tên miền (ví dụ: valaki@gmail.com).
11	A „Törölt elemek” (Kuka) mappából is el kell távolítani.	Cũng phải xóa khỏi thư mục "Mục đã xóa" (Thùng rác).

12	Szituáció: Ellenőrizni kell a HTTPS/lakat meglétét és az oldal megbízhatóságát.	Tình huống: Phải kiểm tra sự hiện diện của HTTPS/ổ khóa và độ tin cậy của trang.
13	Igen, egy e-mail egyszerre több címzettnek is küldhető.	Có, một email có thể được gửi cho nhiều người nhận cùng một lúc.
14	Cc: a címzettek látják egymást. Bcc: a többiek nem látják a Bcc címzettet.	Cc: người nhận thấy nhau. Bcc: những người khác không thấy người nhận Bcc.
15	Hamis. A személyes adatokat körültekintően kell kezelni.	Sai. Dữ liệu cá nhân phải được xử lý cẩn thận.
16	Lényegében tetszőleges számú (akármennyi) címzettnek.	Về cơ bản là cho bất kỳ số lượng người nhận nào.
17	Szituáció: Frissítem az oldalt (Refresh gomb vagy F5).	Tình huống: Tôi làm mới trang (nút Refresh hoặc F5).
18	Az adathalászat elkerülése és az adatbiztonság érdekében.	Để tránh lừa đảo và vì an ninh dữ liệu.
19	Igaz. Ő látja a többieket, de ők nem látják a többiek.	Đúng. Người đó thấy những người khác, nhưng những người khác không thấy họ.
20	Szituáció: A „Törölt elemek” vagy „Kuka” mappában található meg.	Tình huống: Có thể tìm thấy trong thư mục "Mục đã xóa" hoặc "Thùng rác".